

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	22	0		22	0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		RC5+RC6+CLO	7:25	1+2+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
4		TD1	7:25	22	0		22	0	
5		TD3+TD1	9:25	18+4	0+0		12+10	0+0	
6		TD5+P8	9:25	8+14	0+0		8+14	0+0	
7		CLO+TD1	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
8		TD5+TD3	11:25	4+17	0+0		1+21	0+0	
9		TD2+TD1	11:25	22+0	0+0		14+8	0+0	

TTDPSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1590	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	59	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	61	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ ANH QUÂN	TD2	56	1	4	5	90	74	KHOAN	Vietnamese
4	DOÀN VĂN HÙNG	TD2	65	1	6			53	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	55	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MAI NAM	TD2	66	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN SỸ HIỆU	TD2	62	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH GIANG	TD2	63	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BA CHIẾN	TD2	52	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
10	VU VĂN ĐOÀI	TD2	54	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	67	1	4			95	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	53	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	64	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
14	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	60	1	8			59	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	57	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD2	68	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN NINH	TD2	58	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
18	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	49	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	51	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
20	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	50	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HỮU HẬU	TD2						70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	21	1.500	20	114	5	90	22		
TOTAL		21	1.500	20	114	5	90	22		
WEIGHT KG			1.500		114		90			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5	CREW: KHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1594	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU MẠNH THĂNG	TD5						79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	25-26	2	19			71	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN HUY	TD5	05	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	02	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN HÀ MINH TUẤN	TD5	06	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUẢN	TD5	04	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ LONG PHI	TD5	12	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	07-08	2	14			77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNH VỤ	TD5	13	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	17-18	2	13			71	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HOÀNG BAO AN	TD5	14	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HAI	TD5	22	1	6	4	80	73	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	11	1	12			82	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VĂN CHUNG	TD5	19	1	10			80	ANTOAN	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH GIANG	TD5	20-21	2	14			70	ANTOAN	Vietnamese
16	NGO VAN BAC	TD5	09-10	2	13			82	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY DUNG	TD5	01	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	27	1	9	2	24	83	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	15	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGA	TD5	23-24	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ THẾ ANH	TD5	03	1	2			83	KHOAN	Vietnamese
22	HỒ THANH QUANG	TD5	16	1	7			70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.647	27	189	6	104	22		
TOTAL		22	1.647	27	189	6	104	22		
WEIGHT KG			1.647		189		104			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: RC5 - RC6 - CLO	CREW: HUNG - SON - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1598	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN DINH DIEP	RC5	77-78	2	14			77	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG PHU	RC6	67	1	9			77	CODIEN	Vietnamese
3	LUONG ANH VU	RC6	66	1	9	3	16	70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN SINH	CLO	33	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN DUOC	CLO	98	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
6	VU MINH TU	CLO	93	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
7	CHU DUC AI	CLO	37-38	2	13			65	KHOAN	Vietnamese
8	VU NGOC LUAN	CLO	89	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN BON	CLO	88	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TAM	CLO						65	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VAN VIET	CLO	32	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
12	DANG DUY LY	CLO	92	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
13	DO TRUONG GIANG	CLO	96	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRUONG SINH	CLO	94	1	8	5	75	76	KHOAN	Vietnamese
15	VU MANH HUNG	CLO	90-91	2	17			74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG SON	CLO	34-36	3	18			59	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THANH HOAN	CLO	39-40	2	11			56	KHOAN	Vietnamese
18	TA HOAI TRANG	CLO	95	1	13			74	ANTOAN	Vietnamese
19	LE MANH THANG	CLO	97	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRUNG	CLO						82	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM TAT LUC	CLO	99,31	2	8			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	1	77	2	14	0	0	0		
2	RC6	2	147	2	18	3	16	2		
3	CLO	18	1,260	22	143	5	75	20		
TOTAL		21	1,484	26	175	8	91	22		
WEIGHT KG			1,484		175		91			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUY MAI

VNHS REP.

DO THI HAI YEN

CREW

LE QUY HUNG
PHAM THAI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO:TD1	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1593	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	12	1	5			76	KHOAN	Russian
2	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	16-17	2	13			73	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	13	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀN	TD1	10	1	4	4	65	75	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG ANH TUẤN	TD1	09	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD1	14	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VĂN NINH	TD1	05	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	07	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	20	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HOẠT	TD1	11	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	21	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
13	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	01-02	2	11			83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	TD1	04	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TUẤN ANH	TD1	19	1	15			78	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	18	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
17	VU VĂN QUY	TD1	08	1	4			55	KHOAN	Vietnamese
18	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	06	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
19	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	22	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
20	HỒ VĂN HẬU	TD1	23	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD1	15	1	14			93	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	03	1	6			78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.579	23	138	4	65	22		
TOTAL		22	1.579	23	138	4	65	22		
WEIGHT KG			1.579		138		65			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - TD1	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1591	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU QUANG	TD3	06	1	10			71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI	TD3	08	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	15	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN HỮU THỌ	TD3	10	1	8	4	70	79	KHOAN	Vietnamese
5	CHU VĂN THẮNG	TD3	11	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	05	1	3			100	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	09	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO TIẾN THIẾT	TD3	14	1	10			51	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ QUY	TD3	12	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH AI HỮU	TD3	07	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
11	LÂM VĂN ĐẠT	TD3	04	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	13	1	3			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	02	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ SỸ HÙNG	TD3	03	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN NGHĨA	TD3	01	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
16	LUU QUYẾT THẮNG	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TỰ HỢP	TD3	20	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ DUY THANH	TD3	21-22	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	TD1	11	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ TẢ HOÀNG ANH	TD1	12	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	14	1	10			91	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN THUỖNG VŨ	TD1	13	1	11			87	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	18	1.332	18	126	4	70	12		
2	TD1	4	316	4	33	0	0	10		
TOTAL		22	1.648	22	159	4	70	22		
WEIGHT KG			1.648		159		70			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - P8	CREW: KHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1595	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU VAN PHONG	TD5	50-52	3	18			71	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO QUANG MINH	TD5	56	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	TD5				2	30	85	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM GIA PHÚC	TD5	46-47	2	13			81	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN CAO DANH	TD5	54-55	2	12			63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD5	48	1	14			82	KHOAN	Vietnamese
7	RAKHIMOV A.R	TD5	49	1	6			101	D-HANH	Russian
8	PHAN QUỐC TUẤN	TD5	83	1	5			78	D-HANH	Vietnamese
9	GUSEINOV MAXIM	P8	12-14	3	19			86	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VĂN XUÂN	P8	01	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG THUY	P8						68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HAO	P8	08	1	9			87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐAM	P8	11	1	10	4	65	82	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THẾ ĐĂNG	P8	07	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	P8	10	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO TIỀN ĐẠT	P8	02	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ HỒNG GIANG	P8	09	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
18	VY NGỌC CHU	P8	05	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SƠN	P8	04	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT MINH	P8	15	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC ƠN	P8	06	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN AN	P8	03	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	8	631	11	74	2	30	8		
2	P8	14	1.004	15	105	4	65	14		
TOTAL		22	1.635	26	179	6	95	22		
WEIGHT KG			1.635		179		95			

GRAND TOTAL: 1.909 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: CLO - TD1	CREW: PHÚ - ĐỨC - THÔNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1597	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI XUAN DUY	CLO	66	1	6	2	30	66	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH XUAN PHU	CLO	52	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
3	BUI TRAN NAM	CLO	56-57	2	8			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU THANG	CLO	67	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO NGUYEN GIAP	CLO	47-48	2	15			78	KHOAN	Vietnamese
6	VAN DINH QUANG	CLO	53-54	2	10			63	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUY ĐUC	CLO	61	1	12			82	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TINH	CLO	46	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN SON	CLO	63	1	10			86	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TIEN THANH	CLO	62	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
11	KHAIRUL ANWAR BIN MUHAMAD	CLO	64	1	10	1	12	69	BAKER HUC	Malaysian
12	LE CONG TRANG	CLO	50	1	10	1	12	63	BAKER HUC	Vietnamese
13	LE THANH TRUNG	CLO	60	1	15			75	DVL	Vietnamese
14	LE MINH MINH	CLO	49	1	8			70	PSV	Vietnamese
15	LAI DINH HAI	CLO	55	1	8			82	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DINH AN	CLO	58	1	6			55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	CLO	59	1	3			69	PSV	Vietnamese
18	PHAM NGOC TAI	TD1	28	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
19	DUONG TRUNG KIEN	TD1	31	1	12			59	DVL	Vietnamese
20	LE THANH TU	TD1	32	1	9			82	DVL	Vietnamese
21	VU HOANG QUAN	TD1	30	1	4			53	PSV	Vietnamese
22	PHAM THE THUAN	TD1	29	1	4			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	17	1.231	20	150	4	54	16		
2	TD1	5	337	5	36	0	0	6		
TOTAL		22	1.568	25	186	4	54	22		
WEIGHT KG			1.568		186		54			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: TD5 - TD3	CREW: VIỆT - N.CƯƠNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1592	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH VIỆT DŨNG	TD5	62	1	6			60	DVL	Vietnamese
2	PHAN TÁT THĂNG	TD5	61	1	3			62	YTE	Vietnamese
3	VUÔNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	59	1	5			93	PSV	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HIỆP	TD5	60	1	10			76	PSV	Vietnamese
5	BUI NGỌC ĐO	TD3	34-35	2	9			70	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY CƯỜNG	TD3	24	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	32	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HUNG	TD3	23	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HIỆU	TD3	28	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	42	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THANH	TD3	33	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC CƯỜNG	TD3	27	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	31	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	36	1	12			62	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ THANH THAI	TD3	41	1	16			100	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH TUẤN	TD3	40	1	15			88	KHOAN	Vietnamese
17	VÔ HỮU TẤN	TD3	37	1	12			77	DVL	Vietnamese
18	PHẠM TUNG VY	TD3	38-39	2	16			66	DVL	Vietnamese
19	LÊ THANH CHÂU	TD3	25-26	2	10			72	PSV	Vietnamese
20	HỒ SỸ THANH	TD3	30	1	3			61	PSV	Vietnamese
21	VŨ VĂN PHÚC	TD3	29	1	3			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	4	291	4	24	0	0	1		
2	TD3	17	1.199	20	147	0	0	21		
TOTAL		21	1.490	24	171	0	0	22		
WEIGHT KG			1.490		171		0			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: TD2 - TD1	CREW: KHOAN - N.ANH - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1596	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LE HUNG CUONG	TD2	74	1	5			99	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DAI	TD2	78	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
3	LE TRUONG LAM	TD2	87	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH DUY HAI	TD2	97	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO VAN QUANG	TD2	89	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
6	BUI QUANG MANH	TD2	76-77	2	13			76	KHOAN	Vietnamese
7	LUU XUAN HANH	TD2	85	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VAN BAC	TD2	82	1	14			66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAT	TD2	81	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN YEN	TD2	84	1	6			47	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HOANG TIN	TD2	79-80	2	12			76	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN TRI	TD2	83	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DUNG	TD2	98	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH PHUC	TD2	90-91	2	18			65	KHOAN	Vietnamese
15	MULNIUCHKIN V.V	TD2	93	1	15			90	DVL	Russian
16	USATENKO DMITRII	TD2	96	1	13			99	DVL	Russian
17	NGUYEN CHI LINH	TD2	88	1	9			79	DVL	Vietnamese
18	HOANG BA THANG	TD2	95	1	17	1	9	62	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEU	TD2	94	1	15			87	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN ĐUC LONG	TD2	92	1	16			69	DVL	Vietnamese
21	LE VAN GIAP	TD2	75	1	4			65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN ĐANG NAM	TD2	86	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	22	1.608	25	241	1	9	14		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.608	25	241	1	9	22		
WEIGHT KG			1.608		241		9			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH